

- Dạng phủ định: shouldn't (should not), ought not to

Ex:

- You **ought to** be kinder to him. (Bạn nên đối xử với anh ấy tốt hơn)
- They **ought to** respect the law. (Họ nên tôn trọng luật pháp)
- You **should** stand up and get some exercise. (Bạn nên đứng dậy và tập thể dục)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Bạn nên dùng nhiều thời gian hơn để lên kế hoạch cho tương lai.

- spend time doing sth: dành thời gian làm gì đó
- make a plan: lên kế hoạch

2) Mọi người không nên tặng ai đó kéo hoặc dao ở Hong Kong.

- scissors (plr) kéo
- knife (c) dao
- give sb sth = give sth to sb: đưa, tặng cho ai đó cái gì

3) Chúng ta không nên đánh giá thấp sự quan trọng của những thách thức này.

- undervalue = underestimate (t) đánh giá thấp
- importance (u) sự quan trọng
- challenge (c) thách thức

4) Công nhân nên đưa feedback cho cấp trên về cách quản trị của công ty.

- worker (c) công nhân
- give feedback: đưa feedback
- superior (c) cấp trên
- management style: cách quản trị

5) Học sinh nên có kiến thức rộng lớn về thế giới xung quanh.

- wide (adj) rộng lớn

- surrounding (adj) xung quanh

- knowledge (s/u) kiến thức

6) Tất cả những người nộp đơn xin việc nên có hiểu biết chuyên sâu về máy tính.

- applicant (c) người nộp đơn, xin việc

- intensive (adj) chuyên sâu

- understanding (s/u) hiểu biết
